

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
1	112310747	Trần Hoài Thanh	K13KKT1	0	0	0			0			V	V	Vắng	
2	122310930	Lê Văn Vũ	K13KKT1	0	0	0			0			6.0	3.3	Ba phẩy Ba	
3	122310937	Đinh Thị Quỳnh My	K13KKT1	0	0	0			0			V	V	Vắng	
4	132315601	Châu Thị Ái	K13KKT1	10	9	9			8			6.3	7.5	Bảy phẩy Năm	
5	132315607	Lương Thị Lan Anh	K13KKT1	10	9	9			8			7.1	7.9	Bảy phẩy Chín	
6	132315615	Vương Thị Như Ánh	K13KKT1	8	7	8			7.5			5.0	6.2	Sáu phẩy Hai	
7	132315619	Nguyễn Thị Cẩm	K13KKT1	8	8	8			9			5.4	6.7	Sáu phẩy Bảy	
8	132315623	Hoàng Thị Lan Chi	K13KKT1	10	9	9			8			7.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
9	132315633	Mang Thị Phương Dung	K13KKT1	10	10	10			8.5			7.3	8.3	Tám phẩy Ba	
10	132315641	Vương Thị Bích Duyên	K13KKT1	9	8	8			7.5			6.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
11	132315647	Hoàng Thị Lệ Hà	K13KKT1	10	8	8			8			7.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
12	132315682	Nguyễn Trọng Hiếu	K13KKT1	8	6	6			6			6.9	6.7	Sáu phẩy Bảy	
13	132315688	Nguyễn Thị Thu Hoài	K13KKT1	9	9	8			7			6.0	7.0	Bảy	
14	132315692	Nguyễn Thị Thuý Hoàng	K13KKT1	9	7	7			8			5.4	6.5	Sáu phẩy Năm	
15	132315696	Cao Thị Thanh Huệ	K13KKT1	9	8	6			7			6.4	6.9	Sáu phẩy Chín	
16	132315704	Hoàng Thị Xuân Hương	K13KKT1	9	9	8			6			6.1	6.9	Sáu phẩy Chín	
17	132315717	Bùi Duy Khánh	K13KKT1	10	7	6			8			V	V	Vắng	
18	132315723	Phan Thanh Lâm	K13KKT1	7	6	6			8.5			5.6	6.3	Sáu phẩy Ba	
19	132315729	Võ Pa Lê	K13KKT1	10	9	8			7			6.3	7.2	Bảy phẩy Hai	
20	132315736	Bùi Viết Uyên Linh	K13KKT1	10	8	7			8			6.8	7.4	Bảy phẩy Bốn	
21	132315743	Trần Thị Yến Linh	K13KKT1	10	9	9			9			7.7	8.4	Tám phẩy Bốn	
22	132315749	Nguyễn Thị Phương Loan	K13KKT1	10	8	8			7.5			6.6	7.4	Bảy phẩy Bốn	
23	132315756	Nguyễn Thị Ly	K13KKT1	10	9	9			8.3			6.8	7.8	Bảy phẩy Tám	
24	132315764	Nguyễn Trà Mi	K13KKT1	10	9	8			9			7.2	8.0	Tám	
25	132315776	Võ Thị Ngà	K13KKT1	10	9	7			6.5			5.9	6.8	Sáu phẩy Tám	
26	132315784	Hoàng Anh Nguyên	K13KKT1	8	8	7			0			6.6	5.9	Năm phẩy Chín	
27	132315792	Trần Thị Nhàn	K13KKT1	10	9	8			7			5.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
28	132315807	Nguyễn Thị Nhật Oanh	K13KKT1	10	10	10			8.5			7.1	8.2	Tám phẩy Hai	
29	132315814	Trần Văn Phước	K13KKT1	8	7	7			7			V	V	Vắng	
30	132315823	Phạm Thị Minh Phương	K13KKT1	10	8	7			7			6.2	7.0	Bảy	
31	132315830	Hoàng Văn Quân	K13KKT1	7	7	7			7			5.4	6.1	Sáu phẩy Một	
32	132315837	Lê Kim Quỳnh	K13KKT1	8	8	7			6.5			V	V	Vắng	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
33	132315842	Nguyễn Châu	Sa	K13KKT1	9	8	8			8			6.4	7.2	Bảy phẩy Hai
34	132315847	Nguyễn Văn	Sỹ	K13KKT1	9	8	8			6			7.0	7.3	Bảy phẩy Ba
35	132315855	Nguyễn Xuân	Thắng	K13KKT1	9	6	8			9			4.4	6.1	Sáu phẩy Một
36	132315861	Chúc Thị	Thảo	K13KKT1	8	8	8			7			5.2	6.3	Sáu phẩy Ba
37	132315867	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K13KKT1	10	8	8			8			5.5	6.8	Sáu phẩy Tám
38	132315875	Đinh Thị Bảo	Thi	K13KKT1	10	8	8			7.5			7.3	7.7	Bảy phẩy Bảy
39	132315881	Võ Thị Kim	Thoa	K13KKT1	10	8	8			7			7.2	7.6	Bảy phẩy Sáu
40	132315888	Dương Huy	Thuận	K13KKT1	8	6	6			6			5.5	5.9	Năm phẩy Chín
41	132315893	Võ Thị Thu	Thường	K13KKT1	10	8	8			7			V	V	Vắng
42	132315899	Đinh Thị Thanh	Thủy	K13KKT1	10	8	8			8			5.7	6.9	Sáu phẩy Chín
43	132315905	Lê Viết	Tiến	K13KKT1	9	8	8			7.5			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai
44	132315908	Trương Thị Hương	Trà	K13KKT1	10	9	8			7			6.9	7.5	Bảy phẩy Năm
45	132315915	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	K13KKT1	9	8	8			7			6.5	7.1	Bảy phẩy Một
46	132315922	Phạm Thị Minh	Trang	K13KKT1	10	9	9			8.5			7.5	8.2	Tám phẩy Hai
47	132315928	Đào Mạnh	Trung	K13KKT1	8	5	5			6			5.8	5.9	Năm phẩy Chín
48	132315934	Nguyễn Hữu	Tuấn	K13KKT1	7	6	5			7			4.1	5.1	Năm phẩy Một
49	132315945	Hoàng Thị Cẩm	Vân	K13KKT1	10	10	10			9			6.8	8.1	Tám phẩy Một
50	132315962	Trần Thị Thu	Hằng	K13KKT1	10	8	8			7.5			6.3	7.2	Bảy phẩy Hai
51	132315963	Nguyễn Minh	Khuê	K13KKT1	8	7	8			9			6.0	7.0	Bảy
52	132315971	Võ Thị	Thương	K13KKT1	9	7	7			8.5			5.7	6.7	Sáu phẩy Bảy
53	132315973	Đoàn Quyết	Tiến	K13KKT1	9	7	7			7			V	V	Vắng
54	132315602	Ngễn Hữu	Ân	K13KKT2	5	5	6			6			5.9	5.7	Năm phẩy Bảy
55	132315609	Nguyễn Thị Lan	Anh	K13KKT2	9	9	8			7.5			6.4	7.2	Bảy phẩy Hai
56	132315616	Thân Quang	Bảo	K13KKT2	9	7	7			7			5.2	6.2	Sáu phẩy Hai
57	132315624	Lê Thị Kim	Chung	K13KKT2	8	9	7.5			6.5			5.0	6.2	Sáu phẩy Hai
58	132315634	Nguyễn Thị Thủy	Dung	K13KKT2	6	7	6.5			6.6			5.0	5.7	Năm phẩy Bảy
59	132315642	Nguyễn Như Linh	Giang	K13KKT2	5	6	7			7.5			7.0	6.8	Sáu phẩy Tám
60	132315648	Lê Ngọc	Hà	K13KKT2	10	10	10			8.8			7.2	8.3	Tám phẩy Ba
61	132315656	Đặng Thị Diệu	Hằng	K13KKT2	10	10	8			7.5			7.2	7.9	Bảy phẩy Chín
62	132315664	Nguyễn Thị Khánh	Hằng	K13KKT2	10	8	8			7			7.6	7.8	Bảy phẩy Tám
63	132315671	Đào Thị Thu	Hiền	K13KKT2	10	10	10			8.3			7.7	8.5	Tám phẩy Năm
64	132315675	Nguyễn Thu	Hiền	K13KKT2	8	8	8			7.6			7.3	7.6	Bảy phẩy Sáu

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
65	132315683	Lưu Thị Thanh	Hoa	K13KKT2	10	10	9.5			8			7.1	8.1	Tám phẩy Một
66	132315689	Nguyễn Thị Thu	Hoài	K13KKT2	6	7	7			9			5.0	6.1	Sáu phẩy Một
67	132315699	Nguyễn Mạnh	Hùng	K13KKT2	3	5	6			6.4			3.3	4.2	Bốn phẩy Hai
68	132315706	Nguyễn Thị Thanh	Hương	K13KKT2	10	10	8.5			7			5.8	7.1	Bảy phẩy Một
69	132315712	Trần Quốc	Huy	K13KKT2	5	7	7.5			5.6			7.7	7.0	Bảy
70	132315718	Lê Thị	Kiểm	K13KKT2	10	10	8			7.5			7.9	8.3	Tám phẩy Ba
71	132315730	Văn Thị Mỹ	Lê	K13KKT2	8	8	7			6.8			6.2	6.7	Sáu phẩy Bảy
72	132315737	Hoàng	Linh	K13KKT2	10	10	9.5			8			6.7	7.8	Bảy phẩy Tám
73	132315741	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K13KKT2	10	9	9			8.5			7.0	7.9	Bảy phẩy Chín
74	132315744	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K13KKT2	9	9	8			7.5			6.6	7.4	Bảy phẩy Bốn
75	132315750	Trần Thị Phương	Loan	K13KKT2	10	10	8			8.5			8.1	8.5	Tám phẩy Năm
76	132315757	Đinh Thị Tuyết	Mai	K13KKT2	9	9	8.5			8.5			8.1	8.4	Tám phẩy Bốn
77	132315765	Lê Văn	Minh	K13KKT2	9	9	7.5			8			6.7	7.4	Bảy phẩy Bốn
78	132315771	Đặng Thị Mỹ	Nga	K13KKT2	10	10	7.5			8			7.2	7.9	Bảy phẩy Chín
79	132315778	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	K13KKT2	10	10	10			8.5			5.8	7.5	Bảy phẩy Năm
80	132315785	Huỳnh Thị Hà	Nguyên	K13KKT2	7	8	8			8			7.8	7.8	Bảy phẩy Tám
81	132315802	Phạm Thị	Nhung	K13KKT2	7	8	7			6.5			6.6	6.8	Sáu phẩy Tám
82	132315815	Đinh Thị Hoài	Phương	K13KKT2	10	10	9			8.5			6.3	7.6	Bảy phẩy Sáu
83	132315824	Phan Thị Minh	Phương	K13KKT2	10	10	8.5			8.5			6.9	7.9	Bảy phẩy Chín
84	132315831	Lê Thị Thiều	Quang	K13KKT2	10	9	8.5			8			6.5	7.5	Bảy phẩy Năm
85	132315848	Nguyễn Đức	Tâm	K13KKT2	8	9	7			7.5			6.2	6.9	Sáu phẩy Chín
86	132315856	Nguyễn Văn	Thanh	K13KKT2	7	9	7			7			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín
87	132315862	Lê Thị Phương	Thảo	K13KKT2	8	9	8			9			7.5	8.0	Tám
88	132315876	Đặng Ngọc	Thiện	K13KKT2	10	10	8			7.5			6.9	7.7	Bảy phẩy Bảy
89	132315882	Bùi Thị Hà	Thu	K13KKT2	10	10	7.5			7			5.3	6.7	Sáu phẩy Bảy
90	132315889	Hoàng Thị	Thuận	K13KKT2	10	10	8			8.5			4.8	6.7	Sáu phẩy Bảy
91	132315900	Lăng Thị	Thuỷ	K13KKT2	8	9	8			7			5.7	6.7	Sáu phẩy Bảy
92	132315909	Lê Bảo	Trâm	K13KKT2	10	10	10			8			7.3	8.2	Tám phẩy Hai
93	132315916	Phan Thị Nam	Trang	K13KKT2	10	10	7.5			8			6.4	7.5	Bảy phẩy Năm
94	132315923	Nguyễn Tấn	Trí	K13KKT2	8	7	7.5			7.5			5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn
95	132315929	Nguyễn Thành	Trung	K13KKT2	10	10	8			7.5			6.5	7.5	Bảy phẩy Năm
96	132315931	Nguyễn Văn	Trường	K13KKT2	8	9	6.5			7.5			5.4	6.4	Sáu phẩy Bốn

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
97	132315940	Lê Thị Cẩm Vân	K13KKT2	10	10	9			9			8.0	8.7	Tám phẩy Bảy	
98	132315946	Đặng Thị Hà Vi	K13KKT2	9	9	7			8			6.3	7.2	Bảy phẩy Hai	
99	132315964	Đặng Thị Lưu	K13KKT2	10	10	10			8.5			7.3	8.3	Tám phẩy Ba	
100	132315974	Vũ Tố Trang	K13KKT2	10	10	7.5			7			4.7	6.4	Sáu phẩy Bốn	
101	132315610	Nguyễn Thị Ngọc Anh	K13KKT3	10	10	10			8.8			8.7	9.1	Chín phẩy Một	
102	132315617	Võ Văn Bình	K13KKT3	8	8	6			6			3.8	5.2	Năm phẩy Hai	
103	132315625	Lê Tất Công	K13KKT3	9	8	6			6.6			4.5	5.8	Năm phẩy Tám	
104	132315635	Phạm Xuân Thuỳ Dung	K13KKT3	9	9	8			8.5			7.4	7.9	Bảy phẩy Chín	
105	132315639	Dương Thị Thùy Duyên	K13KKT3	6	6	8			8.6			7.0	7.1	Bảy phẩy Một	
106	132315643	Nguyễn Thị Hồng Giang	K13KKT3	7	7	6			6.6			4.6	5.5	Năm phẩy Năm	
107	132315649	Lê Thị Ngọc Hà	K13KKT3	6	7	6.5			6.5			HP	HP	Error	
108	132315659	Hoàng Nữ Thúy Hằng	K13KKT3	8	7	6.5			5.6			5.2	5.9	Năm phẩy Chín	
109	132315665	Nguyễn Thị Thuý Hằng	K13KKT3	10	10	10			8.8			7.6	8.5	Tám phẩy Năm	
110	132315677	Nguyễn Thị Hiền	K13KKT3	8	8	8			8.5			7.2	7.6	Bảy phẩy Sáu	
111	132315684	Phan Thị Như Hoa	K13KKT3	7	8	7.5			7			6.4	6.8	Sáu phẩy Tám	
112	132315690	Phan Thị Thanh Hoài	K13KKT3	10	9	9			8.8			6.2	7.5	Bảy phẩy Năm	
113	132315707	Thiều Thu Hương	K13KKT3	8	9	8			9			7.6	8.0	Tám	
114	132315713	Đinh Thị Huyền	K13KKT3	10	10	8			6			6.9	7.5	Bảy phẩy Năm	
115	132315719	Lê Thị Vân Kiều	K13KKT3	9	6	6.5			6.8			6.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
116	132315725	Võ Thị Tuyết Lan	K13KKT3	10	10	6			6.6			7.9	7.9	Bảy phẩy Chín	
117	132315731	Phan Lê Hiền Li	K13KKT3	10	9	9			8			7.7	8.2	Tám phẩy Hai	
118	132315745	Đinh Thị Kim Loan	K13KKT3	10	6	8.5			7.2			7.7	7.8	Bảy phẩy Tám	
119	132315751	Phạm Văn Lộc	K13KKT3	8	5.5	7			6			7.5	7.1	Bảy phẩy Một	
120	132315759	Lê Thị Tuyết Mai	K13KKT3	10	8	8			7.8			7.1	7.7	Bảy phẩy Bảy	
121	132315766	Nguyễn Thị Kiều My	K13KKT3	10	6	9			7.2			6.3	7.0	Bảy	
122	132315772	Nguyễn Thị Phương Nga	K13KKT3	10	10	8.5			6			7.4	7.8	Bảy phẩy Tám	
123	132315780	Nguyễn Thị Bích Ngọc	K13KKT3	8	5.5	8.5			5.2			7.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
124	132315787	Trần Thảo Nguyên	K13KKT3	9	10	7			6.4			6.3	7.0	Bảy	
125	132315796	Nguyễn Thành Nhân	K13KKT3	10	10	6.5			4.8			7.1	7.3	Bảy phẩy Ba	
126	132315803	Trần Thị Nhung	K13KKT3	10	10	7			5			5.6	6.5	Sáu phẩy Năm	
127	132315809	Võ Thị Thu Oanh	K13KKT3	10	6	6.5			4.6			6.4	6.5	Sáu phẩy Năm	
128	132315816	Đỗ Thị Thương	K13KKT3	10	10	10			8.5			6.3	7.7	Bảy phẩy Bảy	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
129	132315826	Vũ Như Phương	K13KKT3	10	10	10			9.5			7.0	8.3	Tám phẩy Ba	
130	132315832	Nhâm Đức Quảng	K13KKT3	10	6	6.5			4.4			6.1	6.3	Sáu phẩy Ba	
131	132315839	Nguyễn Thị Như Quỳnh	K13KKT3	10	10	6.5			7.4			7.7	8.0	Tám	
132	132315849	Nguyễn Thị Anh Tâm	K13KKT3	10	6	6.5			9			7.3	7.6	Bảy phẩy Sáu	
133	132315857	Tôn Nữ Đan Thanh	K13KKT3	10	10	6.5			6			7.6	7.7	Bảy phẩy Bảy	
134	132315863	Lê Thị Thu Thảo	K13KKT3	10	6	7			5.6			7.1	7.0	Bảy	
135	132315869	Phùng Thị Phương Thảo	K13KKT3	10	10	6.5			7			7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
136	132315877	Nguyễn Thị Thiên	K13KKT3	10	9	9			8			7.3	8.0	Tám	
137	132315883	Lê Hồng Đa Hạ Thu	K13KKT3	10	10	10			8.5			7.8	8.6	Tám phẩy Sáu	
138	132315891	Nguyễn Thị Hoài Thương	K13KKT3	10	6	5			5.4			4.9	5.6	Năm phẩy Sáu	
139	132315902	Đặng Thị Thủy	K13KKT3	10	6	5			3.3			5.2	5.5	Năm phẩy Năm	
140	132315910	Đào Thị Đài Trang	K13KKT3	10	10	10			8.8			7.9	8.7	Tám phẩy Bảy	
141	132315917	Phùng Thị Trang	K13KKT3	10	10	5			7.2			7.3	7.6	Bảy phẩy Sáu	
142	132315924	Đoàn Thị Thuỳ Trinh	K13KKT3	10	6	5			6.2			6.7	6.7	Sáu phẩy Bảy	
143	132315941	Nguyễn Thị Vân	K13KKT3	10	6	7			5.2			6.3	6.5	Sáu phẩy Năm	
144	132315947	Nguyễn Thị Phương Vi	K13KKT3	10	6	7			6.8			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
145	132315954	Dương Hà Vy	K13KKT3	10	6	6			5.8			6.1	6.4	Sáu phẩy Bốn	
146	132315965	Trần Thị Mỹ	K13KKT3	10	9	9			8			6.7	7.7	Bảy phẩy Bảy	
147	132315967	Nguyễn Anh Ngọc	K13KKT3	10	10	6.5			4.6			6.6	7.0	Bảy	
148	132315968	Trương Minh Quang	K13KKT3	10	10	7			5.4			7.1	7.4	Bảy phẩy Bốn	
149	132315970	Nguyễn Đức Tấn	K13KKT3	10	10	7.5			5.4			8.0	8.0	Tám	
150	112311200	Trương Đức Thọ	K13KKT4	2	1	0			0			V	V	Vắng	
151	122310840	Trần Thị Thanh Nga	K13KKT4	0	0	0			0			V	V	Vắng	
152	122310908	Nguyễn Hữu Tùng	K13KKT4	5	5	4			5.8			5.7	5.4	Năm phẩy Bốn	
153	132315604	Đàm Tú Anh	K13KKT4	10	6	5			8.8			7.1	7.3	Bảy phẩy Ba	
154	132315637	Nguyễn Thị Phương Dung	K13KKT4	10	6	6			6.6			8.1	7.6	Bảy phẩy Sáu	
155	132315644	Nguyễn Thị Hương Giang	K13KKT4	10	6	6			6.8			7.8	7.5	Bảy phẩy Năm	
156	132315660	Nguyễn Thị Hằng	K13KKT4	10	6	7			7			7.1	7.3	Bảy phẩy Ba	
157	132315666	Lê Thị Hạnh	K13KKT4	10	6	6.5			4.6			6.8	6.7	Sáu phẩy Bảy	
158	132315678	Tạ Thị Thu Hiền	K13KKT4	10	8	8			8.5			7.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
159	132315701	Thái Duy Hưng	K13KKT4	7	5	7			5.8			8.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
160	132315708	Vũ Thị Hương	K13KKT4	10	6	7.5			7.2			7.6	7.6	Bảy phẩy Sáu	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
161	132315714	Dương Thị Huyền	K13KKT4	10	10	8			7.4			7.1	7.8	Bảy phẩy Tám	
162	132315720	Nguyễn Thị Lài	K13KKT4	9	6	6.5			5.6			5.5	6.0	Sáu	
163	132315726	Trần Thị Thanh	K13KKT4	10	10	6.5			8.2			8.2	8.4	Tám phẩy Bốn	
164	132315732	Trần Thị Liêm	K13KKT4	10	8	8			8.3			7.5	8.0	Tám	
165	132315739	Lê Thị Phương	K13KKT4	10	10	8.5			6.8			7.1	7.8	Bảy phẩy Tám	
166	132315746	Đinh Thị Tố	K13KKT4	10	10	7			7			7.8	8.0	Tám	
167	132315752	Cao Thành	K13KKT4	10	9	9			8			6.8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
168	132315760	Nguyễn Thị Quỳnh	K13KKT4	10	10	9			7			6.8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
169	132315773	Phạm Thị Tuyết	K13KKT4	10	8	8			8.5			6.4	7.4	Bảy phẩy Bốn	
170	132315777	Ngô Như	K13KKT4	10	10	8.5			8			6.1	7.4	Bảy phẩy Bốn	
171	132315781	Trương Thị Như	K13KKT4	10	10	8.5			7.6			6.8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
172	132315788	Bùi Thị Ánh	K13KKT4	10	6	7			5.8			7.6	7.4	Bảy phẩy Bốn	
173	132315797	Lê Hải	K13KKT4	8	5.5	6.5			6.2			7.3	6.9	Sáu phẩy Chín	
174	132315804	Võ Thị	K13KKT4	10	6	7			5			6.4	6.6	Sáu phẩy Sáu	
175	132315819	Nguyễn Thị	K13KKT4	10	10	10			9			6.6	8.0	Tám	
176	132315827	Nguyễn Bích	K13KKT4	10	6	6.5			7.4			7.6	7.5	Bảy phẩy Năm	
177	132315833	Văn Thị Bích	K13KKT4	10	7.5	7			9.2			6.7	7.5	Bảy phẩy Năm	
178	132315843	Đoàn Thị Mỹ	K13KKT4	10	10	7.5			6			6.9	7.4	Bảy phẩy Bốn	
179	132315850	Nguyễn Thị Thanh	K13KKT4	10	6.5	8			7.2			6.9	7.3	Bảy phẩy Ba	
180	132315858	Trần Thị	K13KKT4	10	7	8			7.4			6.7	7.3	Bảy phẩy Ba	
181	132315864	Lê Trần Nguyên	K13KKT4	9	7.5	7			7.2			7.3	7.4	Bảy phẩy Bốn	
182	132315871	Trương Bá Ngọc	K13KKT4	10	10	10			8.3			8.5	8.9	Tám phẩy Chín	
183	132315878	Nguyễn Duy	K13KKT4	8	7	7			7.8			5.3	6.3	Sáu phẩy Ba	
184	132315884	Nguyễn Minh	K13KKT4	8	5	4			6.4			5.7	5.8	Năm phẩy Tám	
185	132315895	Đặng Thi Diễm	K13KKT4	10	10	8			8			5.8	7.2	Bảy phẩy Hai	
186	132315904	Huỳnh Thanh	K13KKT4	9	7.5	8			7.6			6.3	7.1	Bảy phẩy Một	
187	132315911	Lê Thị Quỳnh	K13KKT4	10	7	6.5			8.8			7.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
188	132315919	Trần Thị Huyền	K13KKT4	10	6.5	8			8.4			6.7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
189	132315925	Lê Thị Kim	K13KKT4	10	7.5	7			7.2			7.4	7.6	Bảy phẩy Sáu	
190	132315942	Nguyễn Thị Túy	K13KKT4	9	7.5	7			6.8			5.8	6.6	Sáu phẩy Sáu	
191	132315948	Nguyễn Trường	K13KKT4	9	6	6			8.6			5.6	6.5	Sáu phẩy Năm	
192	132315961	Nguyễn Thị Ngọc	K13KKT4	10	6.5	8			8.4			7.6	7.9	Bảy phẩy Chín	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
193	132315969	Nguyễn Thị Minh Tâm	K13KKT4	10	6.5	7.5			6.6			6.8	7.1	Bảy phẩy Một	
194	132315972	Lê Thị Thanh Thủy	K13KKT4	10	7.5	8			8.6			5.9	7.1	Bảy phẩy Một	
195	132315605	Đào Thị Vân	K13KKT5	10	9	9			9			7.2	8.1	Tám phẩy Một	
196	132315613	Phan Thị Vân	K13KKT5	10	10	10			7.4			8.2	8.6	Tám phẩy Sáu	
197	132315627	Lương Thị Anh	K13KKT5	9	10	6			8.8			6.9	7.6	Bảy phẩy Sáu	
198	132315631	Lê Thuỳ	K13KKT5	9	8.5	7			5.6			6.8	7.0	Bảy	
199	132315645	Đoàn Quỳnh	K13KKT5	9	8	8.5			8.4			7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
200	132315651	Nguyễn Thị Thu	K13KKT5	10	10	6			7.2			6.8	7.4	Bảy phẩy Bốn	
201	132315661	Nguyễn Thị	K13KKT5	10	10	6.5			7.5			7.2	7.7	Bảy phẩy Bảy	
202	132315667	Nguyễn Thị Bích	K13KKT5	10	10	8.5			6.6			7.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
203	132315680	Nguyễn Thị Thuỳ	K13KKT5	10	8.5	9.5			7.2			7.6	8.1	Tám phẩy Một	
204	132315686	Nguyễn Thị Thu	K13KKT5	9	10	8			8			7.1	7.8	Bảy phẩy Tám	
205	132315693	Nguyễn Thị Xuân	K13KKT5	10	10	9.5			7.2			8.3	8.6	Tám phẩy Sáu	
206	132315702	Trần Thanh	K13KKT5	10	10	6			8.2			3.4	5.7	Năm phẩy Bảy	
207	132315709	Nguyễn Thị	K13KKT5	10	7.5	7			7.6			7.4	7.7	Bảy phẩy Bảy	
208	132315715	Lê Thị	K13KKT5	10	7.5	7			7.6			7.7	7.8	Bảy phẩy Tám	
209	132315721	Hoàng Thị Thanh	K13KKT5	9	8	4			8.2			6.6	7.0	Bảy	
210	132315727	Đặng Thị Thùy	K13KKT5	8	7	6			7.8			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
211	132315733	Ngô Thị Hà	K13KKT5	10	9	6.5			7.6			5.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
212	132315740	Nguyễn Ngọc	K13KKT5	8	5	5			7.6			4.1	5.2	Năm phẩy Hai	
213	132315747	Đỗ Thị	K13KKT5	10	9.5	5			4.6			5.4	6.1	Sáu phẩy Một	
214	132315753	Tạ Thị Thanh	K13KKT5	9	8	6.5			8			6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
215	132315762	Lê Huy	K13KKT5	10	7.5	5			7			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
216	132315768	Phùng Thị Thuý	K13KKT5	9	10	6			8.2			7.2	7.7	Bảy phẩy Bảy	
217	132315774	Trần Thị	K13KKT5	10	10	9.5			7.6			7.2	8.1	Tám phẩy Một	
218	132315782	Huỳnh Thị Ánh	K13KKT5	10	7.5	7.5			8.2			5.9	7.0	Bảy	
219	132315789	Lê Thị	K13KKT5	10	10	10			9			7.4	8.4	Tám phẩy Bốn	
220	132315798	Phạm Thị Thu	K13KKT5	10	9	5			6.8			5.6	6.5	Sáu phẩy Năm	
221	132315801	Phạm Kim Ngọc	K13KKT5	10	9	5			7.2			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
222	132315805	Trần Nguyễn My	K13KKT5	9	7	7			8.4			5.9	6.8	Sáu phẩy Tám	
223	132315811	Lê Thị Hạnh	K13KKT5	10	8.5	7			5			5.4	6.3	Sáu phẩy Ba	
224	132315817	Trần Thị	K13KKT5	10	7.5	7			6.2			6.2	6.8	Sáu phẩy Tám	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
225	132315820	Nguyễn Thị Phương	K13KKT5	10	9.5	7.5			8.8			6.3	7.5	Bảy phẩy Năm	
226	132315828	Lê Thị Ngọc	K13KKT5	10	10	8			4.8			6.2	6.9	Sáu phẩy Chín	
227	132315834	Đỗ Ngọc Như	K13KKT5	10	10	10			7.8			7.1	8.1	Tám phẩy Một	
228	132315844	Lê Thị Sứ	K13KKT5	10	10	8.5			8.6			7.4	8.2	Tám phẩy Hai	
229	132315852	Trần Thị Minh	K13KKT5	10	8	8			8.6			6.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
230	132315865	Ngô Thị Bích	K13KKT5	10	10	8.5			6.8			7.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
231	132315872	Trương Thị Bích	K13KKT5	10	10	10			9			7.3	8.4	Tám phẩy Bốn	
232	132315879	Bùi Quang	K13KKT5	7	6	6			7.5			4.5	5.5	Năm phẩy Năm	
233	132315896	Đỗ Thị Phương	K13KKT5	10	9	9			8.5			7.6	8.3	Tám phẩy Ba	
234	132315906	Nguyễn Thị Tĩnh	K13KKT5	9	8	8			8			6.9	7.5	Bảy phẩy Năm	
235	132315920	Trần Thị Thu	K13KKT5	9	8	7			8			6.2	7.0	Bảy	
236	132315926	Trần Thị Tú	K13KKT5	10	8	8			8			7.2	7.8	Bảy phẩy Tám	
237	132315936	Hà Thị Tuyết	K13KKT5	10	10	10			9			8.3	8.9	Tám phẩy Chín	
238	132315943	Võ Thị Mỹ	K13KKT5	10	8	7.5			8			7.8	8.0	Tám	
239	132315949	Nguyễn Vũ Hiền	K13KKT5	7	7	8			8.5			7.2	7.4	Bảy phẩy Bốn	
240	132315957	Trương Vỹ	K13KKT5	8	7	8			8.5			5.9	6.8	Sáu phẩy Tám	
241	132315966	Huỳnh Thị Thanh	K13KKT5	10	9	8			8			7.1	7.8	Bảy phẩy Tám	
242	132315606	Hồ Thị Trâm	K13KKT6	10	9	7			7.5			5.9	7.0	Bảy	
243	132315614	Trần Tuấn	K13KKT6	7	7	6			7			4.8	5.7	Năm phẩy Bảy	
244	132315621	Đỗ Giang	K13KKT6	7	7	7			8.5			5.2	6.2	Sáu phẩy Hai	
245	132315630	Hoàng Minh	K13KKT6	8	8	6			7			7.0	7.1	Bảy phẩy Một	
246	132315640	Lê Thị Duyên	K13KKT6	8	8	8			8.5			7.6	7.9	Bảy phẩy Chín	
247	132315646	Nguyễn Thị Quỳnh	K13KKT6	9	7	6			6.5			7.6	7.4	Bảy phẩy Bốn	
248	132315662	Nguyễn Thị Hằng	K13KKT6	10	8	7			7			6.6	7.2	Bảy phẩy Hai	
249	132315672	Đinh Thị Thu	K13KKT6	10	8	7			7			7.1	7.5	Bảy phẩy Năm	
250	132315676	Hoàng Thị Hiền	K13KKT6	10	8	8			8			6.2	7.2	Bảy phẩy Hai	
251	132315681	Phan Thị Thanh	K13KKT6	10	9	8			8			6.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
252	132315687	Phan Thị Thanh	K13KKT6	9	8	8			7			6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
253	132315694	Trần Nam	K13KKT6	8	6	5			7.5			6.2	6.4	Sáu phẩy Bốn	
254	132315703	Đặng Thị Thu	K13KKT6	8	6	7			8			6.2	6.7	Sáu phẩy Bảy	
255	132315722	Đoàn Vũ	K13KKT6	5	5	6			9			V	V	Vắng	
256	132315728	Phạm Thị Lê	K13KKT6	10	8	8			9.3			7.3	8.0	Tám	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
257	132315734	Phạm Thị Hồng	Liên	K13KKT6	9	8	7			8			6.9	7.4	Bảy phẩy Bốn
258	132315742	Phan Thị Thuỳ	Linh	K13KKT6	8	6	7			7.5			6.7	6.9	Sáu phẩy Chín
259	132315748	Nguyễn Thị Kiều	Loan	K13KKT6	10	8	8			9			7.5	8.1	Tám phẩy Một
260	132315763	Lê Phương	Mẫn	K13KKT6	8	5	6			8			6.8	6.8	Sáu phẩy Tám
261	132315769	Huỳnh Trung	Nam	K13KKT6	6	6	5			7.5			5.4	5.8	Năm phẩy Tám
262	132315775	Trần Thị Hồng	Nga	K13KKT6	10	8	7			8			6.7	7.4	Bảy phẩy Bốn
263	132315783	Võ Thị Bích	Ngọc	K13KKT6	9	8	8			7.5			6.7	7.3	Bảy phẩy Ba
264	132315790	Nguyễn Thị Ngọc	Nguyệt	K13KKT6	10	8	8			8			6.3	7.3	Bảy phẩy Ba
265	132315799	Đỗ Thị Huyền	Nhi	K13KKT6	9	8	7			7			6.5	7.0	Bảy
266	132315806	Đặng Trà	Ny	K13KKT6	9	7	8			8			5.9	6.8	Sáu phẩy Tám
267	132315813	Lâm Thị Kim	Phụng	K13KKT6	9	8	7			8			6.4	7.1	Bảy phẩy Một
268	132315822	Nguyễn Trần Thanh	Phương	K13KKT6	8	6	6			7.5			5.6	6.2	Sáu phẩy Hai
269	132315829	Nguyễn Thị	Phương	K13KKT6	8	6	8			8			7.5	7.5	Bảy phẩy Năm
270	132315846	Nguyễn Thị Bảo	Sương	K13KKT6	10	8	8			8			6.5	7.4	Bảy phẩy Bốn
271	132315853	Trương Thị	Tâm	K13KKT6	10	8	7			7.5			6.0	6.9	Sáu phẩy Chín
272	132315866	Nguyễn Thị	Thảo	K13KKT6	10	8	8			8			5.9	7.0	Bảy
273	132315880	Nguyễn Ngọc	Thọ	K13KKT6	8	6	6			6.5			6.0	6.3	Sáu phẩy Ba
274	132315886	Ngô Thị Hồng	Thư	K13KKT6	9	8	8			8			6.1	7.1	Bảy phẩy Một
275	132315897	Nguyễn Thị	Thuý	K13KKT6	10	10	10			8.5			7.3	8.3	Tám phẩy Ba
276	132315914	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K13KKT6	10	8	7.5			8			7.5	7.9	Bảy phẩy Chín
277	132315921	Trương Thị Thu	Trang	K13KKT6	10	10	10			8.8			8.0	8.7	Tám phẩy Bảy
278	132315927	Võ	Trọng	K13KKT6	10	9	8			8			7.3	7.9	Bảy phẩy Chín
279	132315938	Nguyễn Hữu Tú	Uyên	K13KKT6	10	8	8			7.5			5.7	6.9	Sáu phẩy Chín
280	132315944	Vũ Hà	Vân	K13KKT6	10	8	7			7.5			6.7	7.3	Bảy phẩy Ba
281	132315950	Thái Hồng	Việt	K13KKT6	10	8	8			7			6.9	7.4	Bảy phẩy Bốn
282	132315958	Lê Thị Thảo	Vy	K13KKT6	9	8	8			8.5			6.3	7.2	Bảy phẩy Hai
283	132315959	Nguyễn Thị	Xuân	K13KKT6	9	8	8			8			5.4	6.7	Sáu phẩy Bảy
284	132320769	Đinh Công	Sa	T13KDN1	10	8	9			6			6.0	6.9	Sáu phẩy Chín